

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26/04/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Nội dung	Thực hiện	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	3.328	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	3.306	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.725,44	Tỷ.đ
- Tổng chi phí	910,71	Tỷ.đ
- Lợi nhuận trước thuế	814,73	Tỷ.đ
- Cổ tức	18	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	377,3	Tỷ.đ
- Đầu tư tài chính	6,2	Tỷ.đ

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Nội dung	Kế hoạch	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	2.665	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	2.640	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.615,77	Tỷ.đ
- Tổng chi phí	938,73	Tỷ.đ
- Lợi nhuận trước thuế	677,04	Tỷ.đ
- Cổ tức	10	%
- Đầu tư xây dựng	846,12	Tỷ.đ
- Đầu tư tài chính	15,40	Tỷ.đ

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 với những nội dung chính như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng

1.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.356.906	1.780.751
2. Tài sản dài hạn	5.250.594	5.549.785
Tổng cộng tài sản	7.607.500	7.330.536
3. Nợ phải trả	2.280.531	1.810.499
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.326.969	5.520.037
Tổng cộng nguồn vốn	7.607.500	7.330.536

1.2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 1.726.272 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 911.542 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 814.730 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 655.080 triệu đồng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.372.909	1.802.308
2. Tài sản dài hạn	5.587.324	5.871.980



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐÀ NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Báo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 0633.728171 - Fax: 0633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 2/4

Tổng cộng tài sản	7.960.233	7.674.288
3. Nợ phải trả	2.575.523	2.089.154
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.344.543	5.534.753
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	40.167	50.381
Tổng cộng nguồn vốn	7.960.233	7.674.288

2.2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 1.787.891 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 955.212 triệu đồng.
- Lỗ khoản đầu tư vào Công ty liên kết: 13.366 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 819.312 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 658.707 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 6.246 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 652.461 triệu đồng.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về tình hình quản lý Công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Điều 5. Thông qua ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo quy định, đảm bảo đơn vị được lựa chọn là Công ty kiểm toán có uy tín, có đủ điều kiện hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 6. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Lương, thù lao thực hiện HĐQT, BKS năm 2017: Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 của HĐQT, BKS là 1.999.099.000 đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT và BKS: Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT và BKS là 1.730.196.000 đồng.

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	655.079.909.419	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	205.228.992.104	
3	Phân phối lợi nhuận (1) +.....+ (5)	860.308.901.523	100

3.1	Cổ tức (18%)	760.320.000.000	88,38
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 6%</i>	253.440.000.000	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	15.000.000.000	1,74
3.3	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	528.201.750	0,06
3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	19.417.327.500	2,26
3.5	Lợi nhuận để lại	65.043.372.273	7,56

Điều 8. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn.

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ của mình, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trọng Oánh

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

I. Thời gian và địa điểm

1. Thời gian: Vào lúc 08h30 ngày 26 tháng 04 năm 2018.
2. Địa điểm: Tại văn phòng Công ty, số 80A Trần Phú, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

II. Thành phần tham dự

- Các thành viên Hội đồng quản trị gồm:
 - + Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch;
 - + Ông Lê Văn Quang - Ủy viên;
 - + Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy Viên.
- Các thành viên Ban Kiểm soát gồm:
 - + Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban;
 - + Ông Hoàng Văn Long - Thành viên.
- Các cổ đông/đại diện cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 13/04/2018 và đăng ký tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội

1. Các thủ tục khai mạc Đại hội

1.1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự

- Tuyên bố lý do.
- Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự.

1.2. Kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tham dự Đại hội đại diện cho 422.263.870 cổ phần, chiếm 99,97% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

1.3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, cử Thư ký Đại hội

- Ông Lê Thành Cẩm - Thành viên Ban Tổ chức - giới thiệu Đoàn Chủ tịch lên điều hành Đại hội gồm:

+ Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.

+ Ông Lê Văn Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị.

+ Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị.

- Đoàn Chủ tịch cử ông Trịnh Quang Tiến Phước và bà Nhâm Thị Huyền Thao làm thư ký Đại hội.

Đại hội thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

1.4. Bầu Ban kiểm tra kết quả biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội

Đoàn chủ tịch giới thiệu các thành viên Ban kiểm tra kết quả biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội gồm:

- Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban;

- Ông Đặng Như Tấn - Thành viên;

- Bà Nguyễn Hạnh Dung - Thành viên.

Đại hội thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

1.5. Thông qua chương trình Đại hội, quy chế tổ chức Đại hội và Quy định thể lệ biểu quyết

- Đại hội thống nhất thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Quy định thể lệ biểu quyết để Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt: 100%.

2. Các Báo cáo được trình bày tại Đại hội

- Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày:

+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

- Ông Lê Văn Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày:

+ Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị về tình hình quản lý công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày:

+ Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

+ Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

- Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng Công ty trình bày:

+ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2017.

+ Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.

- Ông Lê Thành Cẩm - TP .TCLĐ Công ty trình bày:

+ Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT và BKS.

- + Tờ trình đề nghị thông qua sửa đổi Điều lệ.
- + Tờ trình đề nghị thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

IV. Ý kiến thảo luận của các cổ đông:

- Các cổ đông đã thảo luận các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thông qua.

V. Kết quả biểu quyết:

Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

STT	Các nội dung biểu quyết	Kết quả biểu quyết
1	Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị về tình hình quản lý công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
3	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
4	Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
5	Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT và BKS.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
6	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
7	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

8	Thông qua sửa đổi điều lệ.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
9	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

VI. Kết thúc Đại hội:

Biên bản này được Thư ký Đại hội lập đầy đủ, trung thực, đọc lại trước Đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội kết thúc vào 11h30' cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TK.



Nguyễn Trọng Oánh

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trịnh Quang Tiến Phước

Nhâm Thị Huyền Thao

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình thiết bị:

Các tổ máy phát điện hoạt động ổn định, tin cậy và sẵn sàng tham gia thị trường. Trong năm, các tổ máy phát điện đã xảy ra một vài sự cố liên quan đến tổ máy như sau: Nhà máy Hàm Thuận 01 sự cố; Nhà máy Đa Mi 01 sự cố; Nhà máy Đa Nhim 04 sự cố nhưng được xử lý nhanh chóng và đưa vào vận hành trở lại.

2. Tình hình thủy văn:

Trong năm lưu lượng nước về các hồ đều cao hơn so với năm 2016 và cao hơn trung bình nhiều năm: lưu lượng nước về hồ Đa Nhim là 39,78 m³/s (năm 2016 là 27,67 m³/s, TBNN là 22,81 m³/s); lưu lượng nước về hồ Hàm Thuận là 56,68 m³/s (năm 2016 là 40,78 m³/s, TBNN là 49,63 m³/s). Hồ Đa Nhim tiến hành xả điều tiết nhiều đợt trong năm với lưu lượng xả bình quân là 14,34 m³/s tương đương với khối lượng nước xả là 453 triệu m³. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đa Nhim		Hồ Hàm Thuận	
		2016	2017	2016	2017
Lưu lượng nước vào hồ	m ³ /s	27,67	39,78	40,78	56,68
Tần suất	%	20,99	3,32	79,04	28,12
Lưu lượng nước chạy máy	m ³ /s	17,84	25,12	37,04	57,60
Lưu lượng nước xả bình quân	m ³ /s	9,48	14,34	0	0
Tổng lượng nước xả qua đập	tr. m ³	299,63	452,98	0	0
Mức nước hồ đầu kỳ	m	1.042,03	1.042,19	600,48	605,01
Mức nước hồ cuối kỳ	m	1.042,19	1.042,00	605,01	603,49
Suất tiêu hao nước	m ³ /kWh	0,56	0,56	1,53	1,54



II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác vận hành sản xuất điện:

Công ty đăng ký kế hoạch sản lượng năm là 2.720 triệu kWh. Thực hiện đến ngày 31/12/2017 là 3.328 triệu kWh đạt 122,35 % so với kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	K.hoạch 2017	T.hiện 2017	T.hiện 2016	TH/KH (%)	SS 2016 (%)
Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.720	3.328	2.281	122,35	145,90
NM Đa Nhim - Sông Pha	"	1.180	1.464	1.056	124,04	138,59
NM Hàm Thuận	"	970	1.181	768	121,81	153,82
NM Đa Mi	"	570	683	457	119,78	149,50
Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.694	3.306	2.264	122,72	146,03
NM Đa Nhim - Sông Pha	"	1.169	1.454	1.048	124,34	138,75
NM Hàm Thuận	"	961	1.173	763	122,07	153,80
NM Đa Mi	"	564	679	453	120,44	149,80
Sản lượng điện nhận	Tr.kWh		1,874	2,255		83,09
NM Đa Nhim - Sông Pha	"		0,048	0		
NM Hàm Thuận	"		1,080	1,325		81,48
NM Đa Mi	"		0,746	0,930		80,27
Tỷ lệ tổn thất MBA và điện tự dùng	%	0,99	0,71	0,85	71,72	83,71
Hệ số khả dụng	"	95,50	98,00		102,62	
Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	"	4,00	1,99		49,75	
Tỷ lệ dừng máy sự cố	"	0,50	0,01		2,00	

2. Sửa chữa lớn:

Công ty đăng ký kế hoạch năm 2017 là 24 hạng mục công trình với tổng giá trị là 58,463 tỉ đồng. Giá trị thực hiện trong năm là 50,5 tỉ đồng, trong đó:

+ Phát sinh 01 hạng mục công trình: Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực nhà máy Đa Nhim có giá trị là 2,25 tỉ đồng.

+ 02 hạng mục công trình thực hiện dở dang chuyển tiếp sang năm 2018:

(1) SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương do mực nước hồ Đơn Dương không hạ thấp đến cao trình thi công (tạm ứng trong năm 2017 là 0,743 tỉ đồng, chuyển tiếp sang 2018 là 2,97 tỉ đồng).

(2) Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim do lưu lượng nước về các hồ cao nên không dùng máy để sửa chữa (thanh toán trong năm 2017 là 0,976 tỉ đồng, chuyển tiếp sang năm 2018 là 1,1 tỉ đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 0633.728171 - Fax: 0633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 2/12

Công tác SCTX khác được thực hiện theo kế hoạch đăng ký.

Chi tiết đính kèm Phụ lục 1: Tình hình thực hiện sửa chữa lớn năm 2017.

3. Công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển - Đầu tư tài chính:

3.1. Đầu tư xây dựng:

- Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim:

Tình hình giải ngân của dự án như sau:

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Khối lượng thi công			Thanh toán		
		Kế hoạch	Thực hiện	Đạt (%)	Kế hoạch	Giải ngân	Đạt (%)
	Năm 2017	495.682	458.716	92,54	347.548	355.777	102,37
	Vốn ODA	448.814	406.851	90,65	300.680	304.104	101,14
	Vốn đối ứng	46.869	51.865	110,66	46.869	51.673	110,25

(Chi tiết đính kèm Báo cáo dự án)

- Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

Công ty đăng ký vốn giải ngân năm 2017 là 3,47 tỉ đồng. Thực hiện năm 2017 là 3,78 tỉ đồng đạt 108,9% so với kế hoạch năm (Tỷ lệ thực hiện cao hơn so với kế hoạch do phát sinh chi phí thẩm tra BCNCKT là 473 triệu đồng).

(Chi tiết đính kèm Báo cáo dự án)

- Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2):

+ Phối hợp PECC2 hiệu chỉnh Báo cáo bổ sung quy hoạch theo đề nghị của tỉnh Ninh Thuận.

+ Làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận giải trình về sự cần thiết xây dựng và phương thức vận hành Hồ điều hoà.

+ Báo cáo UBND tỉnh Ninh Thuận về công tác chuẩn bị đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2.

+ Làm việc với Sở KH-ĐT tỉnh Ninh Thuận để hướng dẫn các bước thực hiện dự án đầu tư theo quy định.

+ Ký kết hợp đồng số 865/HĐTV-TV2-KH với PECC2 về việc lập Báo cáo bổ sung quy hoạch.

+ Trong năm 2017 chưa thực hiện công tác giải ngân do đang thực hiện công tác thoả thuận vị trí quy hoạch dự án.

Nhìn chung, công tác chuẩn bị cho Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2 chậm hơn so với kế hoạch năm 2017. Nguyên nhân của việc chậm trễ này do Công ty chưa đạt được thoả thuận bằng văn bản với UBND tỉnh Ninh Thuận về quy hoạch vị trí xây

dựng để làm cơ sở trình Bộ Công Thương phê duyệt Báo cáo bổ sung quy hoạch cho Dự án.

(Chi tiết đính kèm Báo cáo dự án)

3.2. Đầu tư phát triển:

Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 48,6 tỉ đồng, thực hiện là 17,74 tỉ đồng, đạt 36,5% kế hoạch. Giá trị giải ngân thấp so với kế hoạch do:

+ Hợp đồng Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận; Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ của tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận: Trong năm 2017, Công ty chỉ thực hiện tạm ứng 25% giá trị các hợp đồng, phần còn lại chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 28 tỉ đồng do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị ... sau khi nhà thầu tiến hành khảo sát tình hình thiết bị hiện hữu của nhà máy.

+ Hạng mục nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mí (giai đoạn 2) do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị nên chưa thực hiện kịp và chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 2,8 tỉ đồng.

+ Giá trị thực hiện mua sắm các thiết bị thấp hơn so với kế hoạch do giá trị giảm trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3.3. Đầu tư tài chính:

Kế hoạch góp vốn năm 2017 là 11,33 tỷ đồng vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình theo kế hoạch góp vốn đã thông báo, đã thực hiện góp 6,2 tỷ đồng. Cho đến nay chưa có thông báo góp vốn thêm.

Kết quả đầu tư tài chính năm 2017 của các Công ty như sau:

- CTCP thủy điện Hạ Sông Pha chia cổ tức 8% là 8,9 tỷ đồng.
- CTCP Thủy điện A Vương chia cổ tức năm 2016 là 9,5% tương ứng 2,3 tỷ đồng; tạm ứng cổ tức năm 2017 là 9%, với số tiền 2,1 tỷ đồng.
- CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ chia cổ tức năm 2016 là 16,5% tương ứng 2,1 tỷ đồng; tạm ứng cổ tức năm 2017 là 9,5% với số tiền 1,2 tỷ đồng.
- CTCP Phong điện Thuận Bình đã phát điện tháng 9/2016, năm 2017 bị lỗ tỷ giá nên Công ty phải trích lập dự phòng 4,7 tỷ đồng.

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục 2: Tình hình thực hiện mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn khấu hao/đầu tư phát triển năm 2017.

4. Công tác tối ưu hóa chi phí:

Trong năm 2017, Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch tối ưu hóa chi phí theo chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Phát điện 1. Kết quả như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	K.hoạch	Chỉ tiêu tăng/giảm	T.hiện	Kết quả
1.	Sản lượng điện sản xuất	ti.kWh	2,720	+	3,327	Đạt



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MÍ

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 0633.728171 - Fax: 0633.866457
Email: trusoichinh@dhd.com.vn

Trang: 4/12

2.	Sản lượng điện thương phẩm	ti.kWh	2,694	+	3,305	Đạt
3.	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%	0,99	-	0,71	Đạt
4.	Hệ số khả dụng	%	95,7	+	98,00	Đạt
5.	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,3	-	0,01	Đạt
6.	Tỷ lệ ngừng máy do bảo dưỡng	%	4,0	-	1,99	Đạt
7.	Doanh thu SXĐ	ti. đồng	1.392,5	+	1.576,3	Đạt
8.	Giá trị sửa chữa lớn	ti. đồng	54,5	-7,5%	50,0	Đạt (-8,25%)
9.	Giá trị tồn kho	ti. đồng	35,5	-3%	34,8	Không đạt (-1,9%)
10.	Chi phí	ti. đồng				
a)	Vật liệu	ti. đồng	6,6	-7,5%	5,9	Đạt (-11,1%)
b)	Dịch vụ mua ngoài	ti. đồng	10,5	-7,5%	7,7	Đạt (-13,6%)
c)	Chi phí bằng tiền khác	ti. đồng	28,1	-7,5%	25,7	Đạt (-8,8%)
11.	Đầu thầu qua mạng	%	ĐTRR, ĐTHC: $\geq 30\%$		30,8	Đạt
			CHCT: $\geq 50\%$.		51,7	Đạt

Ghi chú:

Giá trị tồn kho giảm 1,93% không đạt so với kế hoạch (giảm 3%) do có nhập một số vật tư thiết bị dự phòng.

Giá trị SCL theo kế hoạch là 58,5 tỉ đồng, giá trị còn lại là 54,5 tỉ đồng sau khi đã trừ phần giá trị chưa thực hiện trong năm 2017 chuyển sang 2018 khoảng 4 tỉ đồng.

5. Công tác cung cấp dịch vụ:

Trong năm 2017, Công ty và Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật đã ký kết 34 hợp đồng dịch vụ. Tổng giá trị hợp đồng ký kết khoảng 13,7 tỷ đồng, doanh thu trong năm đạt khoảng 15,9 tỷ đồng (bao gồm doanh thu hợp đồng các năm trước). Giá trị đã thanh toán và thu hồi nợ từ các hợp đồng những năm trước khoảng 19 tỷ đồng.

Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng dịch vụ bên ngoài đã ký kết theo đúng tiến độ với chất lượng cao, đảm bảo an toàn và thanh quyết toán từng phần: Thủy điện Xekaman 1-Xekaman Sanxay; Thủy điện Đa Dâng; Thủy điện Hồi Xuân...

6. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I.	Hoạt động sản xuất điện				
1.	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.499,5	1.691,8	112,8
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch)	Tỉ đồng	898,6	894,1	99,5



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 0633.728171 - Fax: 0633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 5/12

	tỉ giá)				
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	600,9	797,7	132,8
II. Hoạt động tài chính (không lãi vay)					
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10,2	16,7	163,3
2.	Chi phí	Tỉ đồng	-	4,8	-
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	10,2	11,9	116,7
III. Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)					
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	8,3	16,9	201,4
2.	Chi phí	Tỉ đồng	7,5	11,8	156,5
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	0,8	5,1	605,8
IV.	Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)		611,9	814,7	133,1
V.	Tỉ lệ chia cổ tức	%	10	18	180,0

Ghi chú:

- Tổng doanh thu, tổng chi phí so với báo cáo tài chính lệch 826 triệu đồng, nguyên nhân do bù trừ giữa doanh thu và chi phí thanh xử lý tài sản trong năm.

- Mức chi cổ tức 18%, trong đó, chi từ lợi nhuận sau thuế năm này khoảng 655 tỷ đồng và lợi nhuận các năm trước để lại 205 tỷ đồng.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SXKD, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1. Đảm bảo tổ máy phát điện vào cuối năm 2018 và nghiệm thu, hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim trong năm 2019.
2. Đảm bảo tiến độ Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi phát điện vào tháng 6/2019.
3. Hoàn chỉnh hồ sơ bổ sung quy hoạch đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2 với công suất 80MW.
4. Tiếp tục thực hiện nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận.
5. Thực hiện kế hoạch đảm bảo nâng cao độ tin cậy, ổn định và hiệu quả các nhà máy điện.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Thuận lợi:

Lưu lượng nước về các hồ chứa trong quý 1 cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát điện và tham gia thị trường điện; hệ thống thiết bị vận hành ổn định, tin cậy và nguồn nhân lực ổn định, có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. Khó khăn:

Khối lượng công tác đầu tư xây dựng rất lớn đặc biệt là dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim đang thực hiện thi công giai đoạn cuối; dự án điện mặt trời Đa Mi đang thực hiện lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và tiến hành xây dựng, lắp đặt thiết bị và công tác lắp đặt, thử nghiệm hệ thống thiết bị tổ máy H1 Hàm Thuận...đòi hỏi phải tập trung nhiều nguồn lực để hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, Công ty xác định mục tiêu và các nhiệm vụ năm 2018 như sau:

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

1. Công tác sản xuất điện:

Công ty đăng ký kế hoạch sản lượng năm là 2.665 triệu kWh. Chi tiết như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665
	NM Đa Nhim - Sông Pha	“	1.162
	NM Hàm Thuận	“	940



	NM Đa Mi	“	563
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640
	NM Đa Nhim - Sông Pha	“	1.151
	NM Hàm Thuận	“	932
	NM Đa Mi	“	557
3.	Tỷ lệ tổn thất MBA và điện tự dùng	%	0,95
4.	Hệ số khả dụng	%	95,5
5.	Tỉ lệ dừng máy sự cố	%	4,0
6.	Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	0,5

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục 3: Tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Phụ lục 3.1: Phương thức vận hành các tổ máy năm 2018.

Phụ lục 3.2: Tình hình thủy văn năm 2017 và dự báo năm 2018.

2. Công tác sửa chữa lớn:

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 16 hạng mục (14 công trình đăng ký mới và 02 hạng mục công trình chuyển tiếp) với tổng số vốn 57,43 tỉ đồng. Ngoài các hạng mục sửa chữa lớn đã được duyệt, các thiết bị còn lại cũng được đưa ra sửa chữa thường xuyên và kiểm tu theo đúng định kỳ.

Chi tiết đính kèm phụ lục 4: Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018

3. Công tác đầu tư:

Trong năm 2018, Công ty đăng ký vốn đầu tư là 841,65 tỉ đồng, bao gồm: đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển và đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

3.1. Đầu tư xây dựng:

3.1.1. Kế hoạch sử dụng vốn

Đơn vị tính: Tỉ đồng.

STT	Nguồn vốn	Thực hiện	Giải ngân
	Tổng	1.145,487	795,233
1.	Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	731,245	506,621
2.	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	409,417	283,78
3.	Dự án MR NMTĐ Đa Nhim - giai đoạn 2	4,825	4,82

3.1.2. Thực hiện các hạng mục chính

a) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

a) Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim: Đăng ký vốn giải ngân năm khoảng 506,621 tỉ đồng.

b) Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2: Đăng ký vốn giải ngân 4,8 tỉ đồng.

c) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Đăng ký vốn giải ngân là 283,79 tỉ đồng.

3.2. **Đầu tư phát triển:** Mua sắm máy móc, trang thiết bị khác gồm 12 hạng mục với tổng vốn là 46,42 tỉ đồng.

3.3. **Đầu tư tài chính:**

- Năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào CTCP Phong điện Thuận Bình để đủ vốn điều lệ đã đăng ký với số tiền là 15,4 tỷ đồng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị TBW số 01/2018/NQ-TBW-HĐQT ngày 26/02/2018.

Chi tiết đính kèm Phụ lục:

Phụ lục 5: Kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn KHCB/ĐTPT năm 2018.

4. **Tối ưu hóa chi phí:**

Căn cứ vào các chỉ tiêu TUHCP năm 2018 của Tổng Công ty, Công ty xây dựng các chỉ tiêu TUHCP năm 2018 để triển khai thực hiện.

Chi tiết đính kèm Phụ lục 6: Kế hoạch tối ưu hóa chi phí năm 2018.

5. **Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
I.	Hoạt động sản xuất điện		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	1.589,5
2.	Chi phí	Tỉ đồng	929,1
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	660,4
II.	Hoạt động tài chính		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	15,9
2.	Chi phí	Tỉ đồng	0
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	15,9
III.	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10,4
2.	Chi phí	Tỉ đồng	9,3
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	1,1
IV.	Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)	Tỉ đồng	677,4
V.	Tỉ lệ chia cổ tức	%	10

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục 7: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Phụ lục 7.1: Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2018

1. Mục tiêu:

Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy các tổ máy phát điện, thiết bị, hệ thống công trình; thực hiện tốt các chỉ số hiệu quả vận hành như tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỷ lệ dừng máy sự cố và tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện, kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận; đảm bảo tỷ lệ cố tức theo kế hoạch đề ra.

Vận hành tối ưu các hồ chứa, tích nước các hồ chứa đạt mực nước cao nhất vào cuối năm.

Hoàn thành các chỉ tiêu trong đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; kế hoạch tối ưu hóa; chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí của Công ty.

Đảm bảo Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim phát điện vào cuối năm 2018.

Đảm bảo tiến độ Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi phát điện vào tháng 6/2019.

Nâng cao năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực trong Công ty. Tổ chức sắp xếp nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để vận hành an toàn nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng và nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

Bảo vệ tốt môi trường, an toàn trong lao động, không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố cháy, nổ.

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

Tăng cường kỷ luật trong quản lý vận hành và quản lý kỹ thuật; đảm bảo các tổ máy phát điện ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện; đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng điện và các chỉ tiêu tài chính đề ra:

Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có hiện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.

Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.. Tổ chức BDSC công trình kiểu mẫu để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

Tiếp tục tổ chức, nâng cao chất lượng đào tạo cho lực lượng vận hành, sửa chữa; cán bộ quản lý, kỹ thuật... có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành và sửa chữa hệ thống thiết bị.

Tích cực tham gia thị trường điện, thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng thêm doanh thu từ thị trường điện.

Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2018.

Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ; tối ưu hóa chi phí và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong BDSC.

Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm VTTB.

Đầu tư và kiểm soát có hiệu quả các dự án; nâng cao chất lượng quản lý các công trình đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định, đúng tiến độ.

Nâng cao chất lượng của Ban QLDA.

+ Đối với Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim phối hợp với TVGS theo dõi chặt chẽ về tiến độ thực hiện các hạng mục của các gói thầu; thường xuyên nhắc nhở, đánh giá, phân tích và đưa các giải pháp khắc phục trong các cuộc họp định kỳ giữa Ban QLDA, TVGS và các nhà thầu, đẩy nhanh tiến độ các hạng mục bị chậm của dự án. Để đảm bảo đưa tổ máy H5 Đa Nhim vào vận hành vào cuối năm 2018.

+ Đối với dự án điện mặt trời Đa Mi: Tập trung mọi nguồn nhân lực để đẩy nhanh công tác đánh giá, lựa chọn nhà thầu và hoàn thiện, ký kết hợp đồng để kịp tiến độ lắp đặt đề ra.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty:

! Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

+ Tổ chức đánh giá hiệu quả công việc trong Công ty theo hệ thống KPI đã xây dựng.

Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCLB; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực:

Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống lụt bão.

Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 0633.728171 - Fax: 0633.866457
Email: trusoichinh@dhd.com.vn

Trang: 11/12

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2018;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Quang
Lê Văn Quang



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 0633.728171 - Fax: 0633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 12/12

Phụ lục 1: Báo cáo tình hình sửa chữa lớn năm 2017

STT	Danh mục công trình	Năm 2017		Tỷ lệ thực	Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện		
1.	Đại tu Tổ máy H2 Hàm Thuận	1,850	1,892	102.27	Hoàn tất
2.	Trung tu Tổ máy H1 Đa Mi	1,965	1,098	55.88	Hoàn tất
3.	Đại tu Tổ máy H2 Đa Nhim	2,064	976	47.29	Đang thực hiện. Chuyển tiếp 2018
4.	Trung tu kết hợp thay thế bánh xe công tác tổ máy số 3 Đa Nhim	1,563	9,948	636.47	Hoàn tất
5.	Đại tu Tổ máy H1 Sông Pha	3,222	2,218	68.84	Hoàn tất
6.	Đại tu Tổ máy H3 Sông Pha	2,702	2,706	100.15	Hoàn tất
7.	Trung tu hệ thống thiết bị đập tràn Hàm Thuận	770	565	73.38	Hoàn tất
8.	Trung tu hệ thống thiết bị cửa nhận nước Đa Mi	777	828	106.56	Hoàn tất
9.	Trung tu hệ thống thiết bị đập tràn, cửa nhận nước Đa Nhim	897	807	89.97	Hoàn tất
10.	Trung tu xuất tuyến 230kV – 110kV Hàm Thuận – Đa Mi	2,471	1,341	54.27	Hoàn tất
11.	Trung tu trạm và đường dây 22kV Hàm Thuận – Đa Mi	981	808	82.36	Hoàn tất
12.	Trung tu hệ thống điện 1 chiều Hàm Thuận – Đa Mi	660	558	84.55	Hoàn tất
13.	Trung tu hệ thống cầu trục gian máy, máy công cụ, máy lọc dầu Hàm Thuận – Đa Mi	742	672	90.57	Hoàn tất
14.	Trung tu hệ thống thông tin liên lạc – thủy văn – mạng máy tính Hàm Thuận – Đa Mi – Bảo Lộc	2,153	2,114	98.19	Hoàn tất
15.	Trung tu hệ thống cầu trục gian máy, máy công cụ, máy lọc dầu Đa Nhim – Sông Pha	999	778	77.88	Hoàn tất
16.	Trung tu hệ thống nước kỹ thuật Đa Nhim, hệ thống chữa cháy Đa Nhim – Sông Pha	1,962	1,533	78.13	Hoàn tất
17.	Trung tu hệ thống điện tự dung AC, DC, chiếu sáng Đa Nhim – Sông Pha	1,936	2,003	103.46	Hoàn tất
18.	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận	3,223	3,173	98.45	Hoàn tất
19.	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Mi	1,847	1,805	97.73	Hoàn tất
20.	SCL nhà ăn ca, nhà năng lượng Đa Nhim và Sông Pha, nhà trực vận hành khu vực nhà máy Đa Nhim - Sông Pha	2,888	2,743	94.98	Hoàn tất
21.	SCL nhà văn phòng và nhà trực vận hành khu vực nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi	2,120	2,050	96.70	Hoàn tất

22.	SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	3,758		-	Đang thực hiện, đã tạm ứng 20% giá trị HĐ, chuyển tiếp sang năm 2018
23.	Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực nhà máy Đa Nhim		2,044		Hoàn tất
24.	Sửa chữa lớn các xe ô tô	660	139	21.06	Hoàn tất
25.	Phân bổ chi phí bánh xe công tác	16,253	7,724	47.52	Hoàn tất
	Tổng cộng	58,463	50,523	86.42	

Ghi chú:

Đối với hạng mục 25 - Phân bổ chi phí bánh xe công tác: Chỉ phân bổ giá trị 01 bánh xe công tác nên giá trị thấp.

Đối với hạng mục 4 - Trung tu kết hợp thay thế bánh xe công tác tổ máy số 3 Đa Nhim: Phân bổ giá trị 01 bánh xe công tác nên giá trị cao.

Phụ lục 2: Thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn KH/ĐTPT năm 2017

Stt	Hạng mục công trình	KH năm 2017	TH năm 2017	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)	412,197	383,501	
A	Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển	400,867	377,301	
I	Đầu tư xây dựng	352,282	359,557	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	347,549	355,777	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	1,260		
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	3,473	3,780	
II	Đầu tư phát triển	48,585	17,744	
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận (giai đoạn 2)	38,032	10,659	Năm 2017 chỉ tạm ứng 25%, phần còn lại chuyển tiếp qua năm 2018 giải ngân
2	Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	2,800		Chuyển tiếp năm 2018
3	Máy cắt đầu cực (02 máy)	3,000	3,063	Hoàn tất
4	Máy đo hiện sóng: đo công suất và đo sóng hài	140	150	Hoàn tất
5	Máy đo nội trở Accu-Battery Hitester	115	123	Hoàn tất
6	Máy đo độ rung	70	87	Hoàn tất
7	Máy đo điện trở cuộn dây các động cơ	70	64	Hoàn tất
8	Máy đo cường độ điện trường	250		Chuyển tiếp năm 2018
9	Máy cân bằng động	580	407	Hoàn tất
10	Máy chụp hình	70	60	Hoàn tất
11	Bơm hút chân không	254	223	Hoàn tất
12	Máy chụp ảnh nhiệt	254	240	Hoàn tất
13	Máy photocopy	250	163	Hoàn tất
14	Xe ô tô	2,700	2,505	Hoàn tất
B	Đầu tư tài chính	11,330	6,200	
1	Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình	11,330	6,200	

Phụ lục 3.1: Phương thức vận hành các tổ máy năm 2018

STT	Thiết bị VH	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Ghi chú
I Nhà máy Đa Nhim														
1	Tổ máy H1							Đạt từ 10 ngày 18/07-01/08						
2	Tổ máy H2						BD 10 ngày 20/06-29/06							
3	Tổ máy H3								BD 5 ngày 16/08-20/08					
4	Tổ máy H4							BD 05 ngày 05/07-09/07						
II Nhà máy Sông Pha														
1	Tổ máy H1						BD 08 ngày 18/06-25/06							
2	Tổ máy H2								BD 08 ngày 14/08-21/08					
3	Tổ máy H3								BD 08 ngày 22/08-30/08					
4	Tổ máy H4								BD 08 ngày 01/08-08/08					
5	Tổ máy H5							ĐT 25 ngày 05/7-30/7						
III Nhà máy Hàm Thuận														
1	Tổ máy H1					BD 21 ngày 23/4-13/5								
2	Tổ máy H2							BD 10 ngày 02/7-11/7						
IV Nhà máy Đa Mi														
1	Tổ máy H1					BD 20 ngày 23/4-12/5								
2	Tổ máy H2							ĐT 20 ngày 02/7-21/7						

Phụ lục 3.2: Tình hình thủy văn năm 2017 và dự báo năm 2018

Nhà máy thủy điện Đa Nhim

Tháng	Nước về thực tế năm 2017		Dự báo nước về năm 2018			Tần suất chọn tương đương 50%
	Q về (m ³ /s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	41.02		13.21	11.42	7.61	23.58
2	23.84		7.93	6.14	2.33	13.19
3	12.95		6.29	4.50	2.69	11.20
4	16.80		8.51	6.72	2.91	7.30
5	46.17		15.34	13.55	7.74	13.03
6	40.00		17.83	16.04	12.23	15.53
7	32.08		17.98	16.19	12.38	17.66
8	39.14		19.26	17.47	13.66	17.59
9	43.08		29.85	28.06	24.25	30.22
10	48.06		43.89	42.10	38.29	40.09
11	79.08		41.94	40.15	36.34	34.93
12	55.27		28.77	26.98	23.17	21.84
Trung bình	39.78		20.90	19.11	15.30	20.51

Nhà máy thủy điện Hàm Thuận

Tháng	Nước về thực tế năm 2017		Dự báo nước về năm 2018			Tần suất chọn tương đương 65%
	Q về (m ³ /s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	18.65		15.13	12.78	9.68	19.77
2	21.30		8.15	7.71	5.94	13.95
3	15.75		6.61	5.48	3.12	14.66
4	31.22		9.90	7.56	3.98	7.44
5	56.83		16.77	12.05	4.93	11.40
6	56.06		31.90	25.42	19.26	27.70
7	93.94		80.20	62.43	47.56	58.04
8	90.01		112.52	107.75	98.78	98.72
9	78.48		121.63	116.86	108.89	121.15
10	116.82		116.24	111.47	103.50	112.03
11	72.50		60.10	55.51	45.36	56.27
12	28.57		25.80	22.72	13.06	25.89
Trung bình	56.68		50.41	45.64	38.67	47.25

Q1: 10% Lưu lượng nước về từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2018 theo thực tế

Phụ lục 4: Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng (Chưa có VAT)

STT	Tên danh mục	Giá trị dự toán	KH năm 2018	Ghi chú
	Tổng cộng	58,408	57,432	
I	Công trình chuyển tiếp từ năm 2017	5,779	4,803	
1	SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	3,715	3,715	Đã tạm ứng năm 2017 20% giá trị HĐ
2	Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim	2,064	1,088	Đã thực hiện năm 2017 là 976 tr.đồng
II	Công trình đăng ký mới năm 2018	52,629	52,629	
	Thiết bị công nghệ	43,706	43,706	
1	Đại tu tổ máy H2 Đa Mi	2,391	2,391	
2	Đại tu tổ máy H1 Đa Nhim	5,472	5,472	
3	Đại tu tổ máy H5 Sông Pha	4,310	4,310	
4	Trung tu hệ thống thiết bị phụ dịch Hàm Thuận - Đa Mi	1,066	1,066	
5	Trung tu hệ thống thiết bị điện và nước khu văn phòng Bảo Lộc	3,894	3,894	
6	Trung tu trạm phân phối 220kV & 110kV Đa Nhim - Sông Pha	1,784	1,784	
7	Trung tu hệ thống thiết bị trạm và đường dây 22kV, 6,6kV Đa Nhim - Đập tràn Đơn Dương	1,263	1,263	
8	Trung tu Hệ thống thiết bị Thông tin, Thủy văn, Cảnh báo, Mạng máy tính, Camera	4,988	4,988	
9	Phân bổ chi phí BXCT	18,538	18,538	
	Công trình thủy công và xây dựng	8,923	8,923	
10	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi	3,832	3,832	
11	SCL công trình thủy công khu vực hạ lưu đập Đơn Dương	370	370	
12	Sửa chữa Nhà trực vận hành và sửa chữa khu vực Đa Nhim - Sông Pha	2,256	2,256	
13	Sửa chữa nhà trực vận hành khu vực nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi	2,135	2,135	
14	Sửa chữa lớn các xe ô tô	330	330	

Phụ lục 5: Kế hoạch mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn khấu hao/đầu tư phát triển năm 2018

Stt	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)				857,050	
A	Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển				841,650	
I	Đầu tư xây dựng			-	795,233	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA			506,621	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>				447,641	
	<i>Vốn đối ứng</i>				58,980	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA			4,825	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>				-	
	<i>Vốn đối ứng</i>				4,825	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA			283,787	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>				193,028	
	<i>Vốn đối ứng</i>				90,759	
II	Đầu tư phát triển				46,417	
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận	HT	1		29,497	
	<i>Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận</i>				9,886	<i>Chuyển tiếp từ năm 2017. Giá trị hợp đồng 13.181 triệu đồng, tạm ứng trong năm 2017 là 25% giá trị hợp đồng là 3.295 triệu đồng.</i>
	<i>Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận</i>				19,187	<i>Chuyển tiếp từ năm 2017. Giá trị hợp đồng 25.582 triệu đồng, tạm ứng trong năm 2017 25% giá trị hợp đồng là 6.396 triệu đồng.</i>

	Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại thoả thuận hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tín hiệu từ RTU sang sử dụng gate way theo IEC 60870.5.104				425	
2	Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	HT	1		11,850	Chuyển tiếp từ 2017
3	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	1	2,500	2,500	Thực hiện theo yêu cầu Giấy phép khai thác nước mặt
4	Máy đo tỷ số biến	Máy	1	298	298	
5	Máy đo điện trở tiếp xúc	Máy	1	250	250	
6	Máy tạo nhiệt độ chuẩn	Máy	1	240	240	
7	Máy đo điện trở cách điện (Megger)	Máy	1	120	120	
8	Bơm nước di động (02 cái)	cái	2	150	300	
9	Máy hàn TIG 2200i AC/DC	máy	1	100	100	
10	Máy đột lỗ thủy lực 2 chiều	máy	1	163	163	
11	Bấm đầu cose thủy lực	bộ	1	75	75	
12	Máy đo cường độ điện trường	máy	1	236	236	Chuyển tiếp từ năm 2017. Hoàn tất
13	Máy phân tích đáp ứng tần số máy biến thế (FRA)	máy	1	788	788	
B	Đầu tư tài chính				15,400	
1	Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình				15,400	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục 6: Kế hoạch tối ưu hóa chi phí năm 2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2018	Tỷ lệ giảm (%)	Chỉ tiêu tối ưu hóa (giảm)	KH sau tối ưu hóa
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2,665	Tăng	-	
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2,640	Tăng	-	
3	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%SL	0.95	Giảm	-	
4	Hệ số khả dụng	%	95.5	Tăng	-	
5	Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	4.0	Giảm	-	
6	Tỉ lệ dừng máy sự cố	%	0.5	Giảm	-	
7	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	550.56	Tăng	-	
8	Doanh thu SXĐ	Tr.đồng	1,453,478	Tăng		
9	Chi phí SCL	Tr.đồng	57,432	Giảm 7.5	4,307	53,125
10	Giá trị tồn kho (giảm 3% so với tồn kho đầu năm 2018)	Tr.đồng		Giảm 3	0	0
11	Đấu thầu qua mạng	Gói thầu	ĐTRR, ĐTHC: $\geq 40\%$ CHCT: $\geq 50\%$.			
12	Chi phí	Tr.đồng				
12.1	Vật liệu	Tr.đồng	6,922	Giảm 7.5	519	6,403
12.2	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10,173	Giảm 7.5	763	9,410
12.3	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	29,296	Giảm 7.5	2,197	27,099

Phụ lục 7: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2017	Thực hiện 2017	SS TH/KH (%)	KH năm 2018
I	Hoạt động sản xuất điện					
1	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)		1,499,498	1,691,808	112,8	1,589,478
2	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	898,609	894,124	99,5	929,066
3	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	600,889	797,684	132,8	660,412
II	Hoạt động tài chính (không lãi vay)	Tr.đồng				
1	Doanh thu	Tr.đồng	10,250	16,738	163,3	15,947
2	Chi phí	Tr.đồng	-	4,773		-
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	10,250	11,965	116,7	15,947
III	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)					
1	Doanh thu	Tr.đồng	8,392	16,900	201,4	10,350
2	Chi phí	Tr.đồng	7,553	11,819	156,5	9,315
3	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	839	5,081	605,6	1,035
IV	Tổng cộng lợi nhuận	Tr.đồng	611,978	814,730	133,13	677,394

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT
ĐỘNG NĂM 2018**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 ngày 14 tháng 06 năm 2017, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.720	3.328	122,35
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.694	3.306	122,72
3.	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.518,14	1.725,44	113,65
4.	Tổng chi phí	Tỷ.đ	906,16	910,71	100,50
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	611,98	814,73	133,13
6.	Cổ tức	%	10	18	180,00

Tổng doanh thu, tổng chi phí so với báo cáo tài chính lịch 826 triệu đồng, nguyên nhân do bù trừ giữa doanh thu và chi phí thanh xử lý tài sản trong năm.

Tình hình thủy văn năm 2017 thuận lợi nên kết quả sản xuất kinh doanh đạt tốt. Tổng lợi nhuận trong năm 2017 là 814,7 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện là 797,7 tỷ đồng, đạt 132,8% so với kế hoạch. Mức cổ tức dự kiến

là 18%, cổ tức năm 2017 phân phối từ lợi nhuận năm 2017 và lợi nhuận để lại từ các năm trước.

Thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu khác trong kế hoạch năm 2017:

~~- Các tổ máy, thiết bị, công trình vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, sẵn sàng phát điện khi có yêu cầu;~~

- Công tác SCL: Công ty hoàn thành 22/24 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện trong năm là 50,5 tỉ đồng, trong đó:

+ Phát sinh 01 hạng mục công trình: Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực nhà máy Đa Nhim có giá trị là 2,25 tỉ đồng.

+ 02 hạng mục công trình thực hiện dở dang chuyển tiếp sang năm 2018:

(1) SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương do mực nước hồ Đơn Dương không hạ thấp đến cao trình thi công (tạm ứng trong năm 2017 là 0,743 tỉ đồng, chuyển tiếp sang 2018 là 2,97 tỉ đồng).

(2) Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim do lưu lượng nước về các hồ cao nên không dùng máy để sửa chữa (thanh toán trong năm 2017 là 0,976 tỉ đồng, chuyển tiếp sang năm 2018 là 1,1 tỉ đồng).

+ Giá trị sửa chữa lớn giảm nhiều do Công ty thực hiện tiết giảm chi phí trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị và chi phí nhân công giảm do tiến độ thực hiện sửa chữa được đẩy nhanh, rút ngắn.

- Công tác đầu tư xây dựng:

+ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Kế hoạch giải ngân là 347,5 tỷ đồng, thực hiện giải ngân là 355,7 tỷ đồng đạt 102,4%. Công ty đã làm việc với nhà thầu và các cơ quan chức năng liên quan để rút ngắn thời gian lập hồ sơ và thủ tục thanh toán để đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

+ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Kế hoạch giải ngân là 1,2 tỷ đồng. Trong năm 2017 chưa giải ngân, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bổ sung quy hoạch trong năm 2018.

+ Dự án điện mặt trời Đa Mi: Kế hoạch giải ngân là 3,4 tỷ đồng, thực hiện giải ngân 3,7 tỷ đồng đạt 108,8%. Tỷ lệ thực hiện cao hơn so với kế hoạch do phát sinh chi phí thẩm tra BCNCKT là 473 triệu đồng.

- Công tác đầu tư phát triển: Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 48,6 tỉ đồng, thực hiện là 17,04 tỉ đồng, đạt 35,1% kế hoạch, nguyên nhân do:

+ Giá trị giải ngân thấp so với kế hoạch do hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận; Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ của tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận chỉ thực hiện tạm ứng 25% giá trị các hợp đồng, phần còn lại chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 28 tỉ đồng do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị; Hạng mục nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa

Mi (giai đoạn 2) do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị nên chưa thực hiện kịp và chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 2,8 tỉ đồng;

+ Giá trị thực hiện mua sắm các thiết bị thấp hơn so với kế hoạch do giá trị giảm trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

- Công tác đầu tư tài chính: Thực hiện góp vốn 6,2 tỷ đồng so với kế hoạch 11,33 tỷ đồng đạt 54,7% kế hoạch;

- Công tác PCLB, ATVSLĐ-PCCN, bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm túc theo các quy trình, quy định. Trong năm không để xảy ra vi phạm hoặc mất an toàn nào;

- Công tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Doanh thu thực hiện 16,3 tỷ đồng, tăng 8,5 tỷ đồng so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 5 tỷ đồng;

- Công tác quản lý vật tư: Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Giá trị tồn kho cuối năm 2017 giảm 1,93% không đạt so với kế hoạch (giảm 3%) do có nhập một số vật tư thiết bị dự phòng.

2. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2017:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

3. Thực hiện chi trả thù lao và quỹ thưởng Ban điều hành:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

4. Phân phối lợi nhuận 2016:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

5. Các nhiệm vụ khác:

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi và Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (giai đoạn 2) theo Điều 9 và Điều 10 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền:

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2017, Công ty đã thực hiện 05 cuộc họp HĐQT và 26 cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành 14 nghị quyết và 27 quyết định, trong đó:

- 06 nghị quyết thông qua nội dung phiên họp.
- 08 nghị quyết liên quan đến dự án đầu tư và góp vốn, tạm ứng cổ tức...
- 10 quyết định liên quan đến công tác tổ chức nhân sự, tiền lương...

- 17 quyết định thực hiện nội dung nghị quyết cuộc họp HĐQT, phê duyệt các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, ban hành quy chế...

- Sửa đổi bổ sung và ban hành mới 18 quy chế, quy định nội bộ phục vụ yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành như quy chế quản lý tài chính, quy chế về mối quan hệ làm việc và phân cấp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD Công ty,....

(Chi tiết nội dung các nghị quyết, quyết định, quy chế ban hành trong năm 2017 theo phụ lục đính kèm)

2. Chi trả cổ tức năm 2016:

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông với tỷ lệ 10%.

3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Năm 2017 HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới từ ngày 01/07/2017, đã thực hiện đăng ký lại giấy chứng nhận doanh ký doanh nghiệp do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

- Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Bên cạnh Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, thực hiện công bố thông tin theo quy định của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, mã chứng khoán của Công ty là DNH.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính của Công ty:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,15	6,67
	+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,02	6,54
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,8	32,8
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,0	24,7
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,4	21,4
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	17,5	24,8
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	31,57	37,81
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,97	15,36
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,23	8,77

Qua các chỉ tiêu về tài chính như trên thể hiện tình hình tài chính của Công ty tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Công ty có đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

HDQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng Công ty Phát điện 1 và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các quy chế quản lý điều hành Công ty, HDQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HDQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HDQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HDQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HDQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HDQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

Phần II

~~PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO~~

1. Mục tiêu

Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh điện 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng điện: 2.665 triệu kWh,
- Tổng doanh thu: 1.615,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 677,0 tỷ đồng.

Đảm bảo Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim phát điện vào cuối năm 2018.

Đảm bảo tiến độ dự án Điện mặt trời Đa Mi phát điện vào tháng 06 năm 2019.

Hoàn thành tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng, kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018 đảm bảo chất lượng, khối lượng và tiến độ.

Không để xảy ra sự cố nặng, tai nạn lao động hoặc nguy cơ mất an toàn.

Ổn định đời sống vật chất, tinh thần và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Chỉ đạo tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị của Công ty, tổ chức nghiên cứu các mô hình quản trị phù hợp với Công ty để tiến hành triển khai áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hệ thống quản trị.

HDQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty,

Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ năm 2018, cụ thể:

- Tổ chức sắp xếp lại lao động các đơn vị, bộ phận; tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để vận hành an toàn nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng và nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

- Nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa... đảm bảo các tổ máy phát, hệ thống thiết bị, công trình an toàn, ổn định, sẵn sàng vận hành phát điện; giảm tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng so với kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

- Sử dụng có hiệu quả cao nguồn lực lao động, nguồn lực tài chính; Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch tối ưu hóa chi phí; nâng cao năng suất lao động.



EVNHPC DHD

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 6/7

- Đảm bảo phát điện tổ máy 5 Đa Nhim vào cuối năm 2018.
- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và khởi công xây dựng dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

Phần III
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2018
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640
3.	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.615,77
4.	Tổng chi phí	Tỷ.đ	938,73
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	677,04

2. Chỉ tiêu đầu tư:

2.1. Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển: 846,12 tỷ đồng.

2.2. Đầu tư tài chính: 15,40 tỷ đồng.

3. Chỉ tiêu cổ tức: 10%

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục đính kèm Báo cáo số /BC-HĐQT ngày tháng 04 năm 2018

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Trích yếu nội dung
1	03/NQ-HĐQT	12/01/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 1 năm 2017: 1. Thông qua kết quả ước thực hiện kế hoạch năm 2016. 2. Thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2017 và kế hoạch quý 1 năm 2017.
2	04/NQ-HĐQT	12/01/2017	Họp	Nghị quyết Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch Upcom
3	09/QĐ-HĐQT	22/02/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương mới và Quy chế phân phối lương sản xuất điện trong Công ty
4	11/NQ-HĐQT	27/02/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc trả nợ trước hạn các hợp đồng vay lại nguồn vốn vay JBIC
5	20/QĐ-HĐQT	23/03/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Bỏ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Đỗ Minh Lộc
6	22/NQ-HĐQT	23/3/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 2 năm 2017: 1. Thông qua báo cáo ước thực hiện kế hoạch quý I năm 2016. 2. Thông qua kế hoạch SXKD quý II năm 2016. 3. Thông qua Báo cáo thực hiện năm 2016, Quý I năm 2017 và kế hoạch năm 2017 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2017. 4. Thông qua Báo cáo thực hiện năm 2016, Quý I năm 2017 và kế hoạch năm 2017 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2017. 5. Thông qua Báo cáo về việc thực hiện năm 2016, Quý I năm 2017 và kế hoạch năm 2017 dự án nhà máy điện mặt trời nổi tại hồ thủy điện Đa Mi, tỉnh Bình Thuận, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2017. 6. Thông qua việc tiếp tục góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình. 7. Thông qua việc thành lập Tổ Chuẩn bị sản xuất thuộc Ban quản lý dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. 8. Phê duyệt quyết toán nhân công thực hiện các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật bên ngoài công ty năm 2016. 9. Phê duyệt: quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2016. 10. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2016. Mức chi tạm ứng tương ứng với tỷ lệ 7,5% và việc thực hiện chi trả theo quy định pháp luật hiện hành.
7	42/NQ-HĐQT	23/05/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2017 của CTCP TĐ Hạ Sông Pha

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Trích yếu nội dung
8	45/NQ-HĐQT	12/06/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Thông qua nội dung các Tờ trình, Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2017.
9	59/NQ-HĐQT	14/06/2017	Họp	Nghị quyết Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
10	62/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017		Quyết định duyệt quyết toán Quỹ tiền lương SXKD điện thực hiện năm 2016 của người lao động
11	63/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017		Quyết định duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2017 của người lao động
12	64/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017	Thực hiện NQ ĐHĐ Cổ đông thường niên	Quyết định duyệt quyết toán tiền lương, thù lao năm 2016 của người quản lý
13	65/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017	Thực hiện NQ ĐHĐ Cổ đông thường niên	Quyết định duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2017 của người quản lý
14	66/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thẩm tra BC nghiên cứu khả thi DA NMD mặt trời nổi tại hồ Đa Mi, tỉnh Bình Thuận
15	71/NQ-HĐQT	29/06/2017	Họp	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc
16	72/QĐ-TĐĐHĐ	30/06/2017	Thực hiện NQ 71	Quyết định Vv bổ nhiệm cán bộ (TGD Lê Văn Quang)
17	73/QĐ-TĐĐHĐ	30/06/2017	Thực hiện NQ 71	Quyết định miễn nhiệm chức vụ TGD với ông Nguyễn Trọng Oánh
18	74/QĐ-TĐĐHĐ	01/07/2017		Quyết định ban hành Quy chế về mối quan hệ làm việc và phân cấp giữa CT HĐQT và TGD Công ty
19	75/QĐ-TĐĐHĐ	13/07/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định bổ sung hạng mục SCL năm 2017 Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực NM Đa Nhim
20	79/NQ-HĐQT	27/07/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 3 năm 2017/NQ họp HĐQT phiên họp lần 3 năm 2017 1. Thông qua ước tình hình thực hiện kế hoạch quý 2 và 6 tháng đầu năm 2017. 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2017. 3. Thông qua Báo cáo về kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm, ước thực hiện Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2017 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. 4. Thông qua Báo cáo về kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm, ước thực hiện Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2017 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2 (DNEX-2). 5. Thông qua Báo cáo về về kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm, ước thực hiện Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2017 Dự án nhà máy điện mặt trời nổi tại hồ thủy điện Đa Mi, tỉnh Bình Thuận. 6. Thông qua đề xuất bổ sung một Phó Tổng Giám đốc. 7. Thông qua việc cử ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT đại diện phân vốn góp của ĐHĐ tại Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và tham gia ứng cử thành viên HĐQT không chuyên trách.
21	80/QĐ-TĐĐHĐ	03/08/2017	Thực hiện NQ 79	Quyết định đổi người đại diện phân vốn tại CTCP Phong điện Thuận Bình

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Trích yếu nội dung
22	81/QĐ-TĐĐHĐ	03/08/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định khen thưởng Ban điều hành Công ty năm 2016
23	84/QĐ-TĐĐHĐ	14/08/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt kế hoạch nhân công hoạt động DVKT 2017
24	85/QĐ-TĐĐHĐ	14/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt kế hoạch nhân công SCL tự làm 2017
25	87A/NQ-HĐQT	18/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua việc ban hành Quy chế quản lý vốn và người đại diện
26	89/NQ-HĐQT	21/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý người đại diện
27	90/QĐ-TĐĐHĐ	21/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể DAMR Đa Nhim
28	91/QĐ-TĐĐHĐ	25/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt kế hoạch LCNT gói thầu Tính toán trị số chỉnh định role bảo vệ tủ máy H1, H2 NMTĐ Hàm Thuận thuộc Dự án Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, điều thế, bảo vệ H1 Hàm Thuận và HTĐK toàn NM Hàm Thuận
29	98/NQ-HĐQT	13/10/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 4 năm 2017 1. Thông qua ước thực hiện kế hoạch SXKD - đầu tư 9 tháng và cả năm 2017. 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. 3. Thông qua kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. 4. Thông qua kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2. 5. Thông qua kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018 Dự án nhà máy điện mặt trời nổi Đa Mi. 6. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu năm 2017 (Đợt 1) Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (DMS).
30	98A/NQ-HĐQT	18/10/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết ban hành Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Công ty DHD tại công ty con và công ty liên kết
31	102/QĐ-TĐĐHĐ	02/11/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
32	103/QĐ-TĐĐHĐ	13/11/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định mua trái phiếu ngân hàng Vietinbank
33	108/QĐ-TĐĐHĐ	08/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sử dụng vốn đối ứng đợt 2 năm 2017 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
34	109/QĐ-TĐĐHĐ	12/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng
35	110/QĐ-TĐĐHĐ	19/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Trích yếu nội dung
36	114/QĐ-TĐĐHĐ	26/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc chi trả 20% còn lại quỹ thưởng cầu Ban Quản lý điều hành
37	116/NQ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua phương án nhân sự cán bộ lãnh đạo quản lý Trung tâm dịch vụ kỹ thuật
38	118/QĐ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định bổ nhiệm P.TGD Nguyễn Đình Chiến
39	120/NQ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Quy chế quản lý tài chính
40	121/QĐ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Thực hiện NQ 120	Quyết định về việc thông qua Quy chế quản lý tài chính
41	122/QĐ-TĐĐHĐ	30/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt dự toán và quyết toán công trình sửa chữa lớn năm 2017

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018

Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về hoạt động kiểm soát năm 2017, tình hình và kết quả SXKD của Công ty và kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi năm 2017 như sau:

I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát Công ty đã triển khai làm việc theo kế hoạch đề ra, làm việc trung thực, cần trọng và khách quan vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty DHD. Kết quả hoạt động như sau:

1. Thực hiện đầy đủ chế độ làm việc, tuân thủ chế độ báo cáo theo Quy chế: Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của ĐHCĐ và Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt chủ trương và chỉ đạo của HĐQT, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD, phối hợp với Ban điều hành nhằm nâng cao công tác quản trị trong Công ty phấn đấu đạt các mục tiêu ĐHCĐ năm 2017.

2. Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hàng năm: Sau ĐHCĐ thường niên năm 2017, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, chương trình kiểm soát. Theo đó trong năm 2017, Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng / lần đối với các hoạt động của Công ty.

Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả kiểm soát cùng các kiến nghị cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của công ty (thể hiện trong Biên bản và Báo cáo kiểm soát năm 2017) nhằm thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2017 và kế hoạch năm 2018 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I.	Hoạt động sản xuất điện				
1.	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Ti.đ	1.499,5	1.691,8	112,8
2.	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	Ti.đ	898,6	894,1	99,5
3.	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Ti.đ	600,9	797,7	132,8
II.	Hoạt động tài chính (không lãi vay)				
1.	Doanh thu	Ti.đ	10,2	16,7	163,3
2.	Chi phí	Ti.đ	-	4,8	-
3.	Lợi nhuận	Ti.đ	10,2	11,9	116,7
III.	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)				
1.	Doanh thu	Ti.đ	8,3	16,9	201,4
2.	Chi phí	Ti.đ	7,5	11,8	156,5
3.	Lợi nhuận	Ti.đ	0,8	5,1	605,8
IV.	Tổng lợi nhuận	Ti.đ	611,9	814,7	133,1
V	Chia cổ tức	%	10	18	180,0

2. Kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2017

2.1 Đánh giá chung:

Báo cáo tài chính năm 2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định. Các tờ kê khai thuế được lập đúng thời hạn quy định hiện hành.

Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập – Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.

2.2. Một số nội dung chủ yếu trong BCTC tại thời điểm 31/12/2017

2.2.1 Báo cáo tài chính riêng:

A. Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu	:	1.726, 2 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	911, 5 tỷ đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	814, 7 tỷ đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	159, 6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	:	655, 1 tỷ đồng

B. Bảng cân đối kế toán:

1. Tài sản ngắn hạn	:	1.780, 7 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	5.549, 8 tỷ đồng
Tổng cộng tài sản	:	7.330, 5 tỷ đồng
3. Nợ phải trả	:	1.810, 5 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.520, 0 tỷ đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	7.330, 5 tỷ đồng

2.2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

B. Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu	:	1.787, 9 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	955, 2 tỷ đồng
- Lỗ từ công ty liên kết	:	13,4 tỷ đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	819, 3 tỷ đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	160, 6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	658, 7 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	:	652, 5 tỷ đồng

B. Bảng cân đối kế toán:

1. Tài sản ngắn hạn	:	1.802, 3 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	5.872, 0 tỷ đồng
Tổng cộng tài sản	:	7.674, 3 tỷ đồng
3. Nợ phải trả	:	2.809, 2 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.585, 1 tỷ đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	7.674, 3 tỷ đồng

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	69	76
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	31	24
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Vốn CSH	lần	0,43	0,33
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	lần	0,30	0,25
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	lần	0,70	0,75
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,38	6,54
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,51	6,67
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LNST /VCSH	%	11,09	15,36
	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	31,57	37,95

Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản năm 2017 cho thấy:

- Hệ số Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản cuối năm 2017 là 76% tăng so với năm 2016. Nguyên nhân: Giá trị tổng tài sản giảm do Công ty đã trả nợ trước hạn các khoản nợ gốc trong 2 năm 2017, 2018 của các hợp đồng vay lại Tập đoàn Điện lực Việt Nam với tổng số tiền: 4.703.171.808 JPY tương đương 945 tỷ đồng. Bên cạnh đó, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm phát sinh nhiều cũng làm cho hệ số này tăng lên.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn như: Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn, hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đều tốt hơn các năm trước do Công ty đã thực hiện trả nợ trước hạn các khoản vay ở trên.

- Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh cả Công ty đều trên 6 lần cho thấy tình hình tài chính ngày càng lành mạnh của Công ty.

Tóm lại: Qua các chỉ số tài chính trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty ngày càng lành mạnh, đã bảo toàn và phát triển vốn.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua các số liệu tài chính của Công ty như kết quả BKS công ty đã thẩm tra xem xét.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Trong năm 2017, HĐQT đã giám sát chỉ đạo chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Trong năm 2017 HĐQT đã tiến hành họp 7 lần đề ra các Nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và 26 lượt xin ý kiến bằng văn bản đề ra các Nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Tổ chức quản lý, vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và ổn định. Thực hiện hiệu quả các đề án “Tối ưu hóa chi phí” và “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động”. Hoàn thành việc triển khai và ứng dụng phần mềm ERP trong công tác tài chính kế toán.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đề ra. Nhìn chung các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra năm 2017 Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức, lợi nhuận thực hiện đạt 133,1%. (Riêng dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đang bị chậm so với kế hoạch, đặc biệt là hạng mục đường hầm đào bằng TBM).

III. KIẾN NGHỊ

Năm 2017, HĐQT và Ban TGD Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, EVN/EVNGENCO1, hoàn thành vượt mức cổ tức kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 đề ra. Qua công tác giám sát, kiểm tra Ban KS có một số kiến nghị như sau:

1. Đối với công tác quyết toán sửa chữa lớn: Công ty cần thực hiện việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán danh mục sửa chữa lớn hoàn thành đúng thời hạn theo quy định tại Điều 14 Quy định 3147/QĐ-EVNGENCO1 ngày 18/07/2013.

2. Đối với việc lập HSMT, HSYC... Công ty cần nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của các đối tượng liên quan trong quy trình lựa chọn nhà thầu như: Người có thẩm quyền, Người mua, Bên mời thầu.

3. Đối với công tác quản lý hợp đồng:

- Công ty cần nêu rõ thời gian bảo hành công trình trong hợp đồng theo quy định tại VB số 2509/EVN-KTND ngày 22/12/2000 về hướng dẫn nghiệm thu và bảo hành trong sửa chữa lớn tài sản cố định của Tổng công ty Điện lực Việt Nam và quy định tại ND số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc việc thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 66 Luật Đấu thầu để tránh rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng.

4. Đối với công tác thanh xử lý tài sản:

- Công ty cần tuân thủ đúng quy định về công tác thanh xử lý tài sản theo Quy chế thanh xử lý tài sản của Công ty.

- Cập nhật các Quy chế thanh xử lý tài sản của Công ty cho phù hợp với hướng dẫn công tác thanh xử lý tài sản của EVN tại Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam

5. Đối với Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Công ty tiếp tục phối hợp với TVGS cũng như các nhà thầu theo dõi chặt chẽ về tiến độ thực hiện các hạng mục của các gói thầu; tìm kiếm các giải pháp khắc phục khó khăn nhằm đẩy nhanh tiến độ các hạng mục bị chậm của dự án.

6. Đối với dự án điện mặt trời Đa Mi: Tập trung mọi nguồn nhân lực để đẩy nhanh công tác đánh giá, lựa chọn nhà thầu và hoàn thiện, ký kết hợp đồng để kịp tiến độ lắp đặt đề ra.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Năm 2018, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu trong năm 2018, Ban kiểm soát phân đầu thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời.

- Kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; xem xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên và báo cáo năm.

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- TV BKS;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Ngô Thế Long

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Lâm Đồng, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện & thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH & HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	11
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	31
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)	32
Chương IX. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 37. Kiểm soát viên.....	34
Điều 38. Ban kiểm soát	34
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	36
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	39
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	40
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 46. Năm tài chính	41
Điều 47. Chế độ kế toán.....	41
Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	42
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	42
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	43

Điều 50. Kiểm toán	43
Chương XVII. CON DẤU.....	44
Điều 51. Con dấu	44
Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 53. Gia hạn hoạt động	45
Điều 54. Thanh lý	45
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	47
Điều 56. Điều lệ công ty	47
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	48
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	48

MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá XIII nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 2743/QĐ-BCN ngày 26/8/2005 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24/05/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên) về việc chuyển Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (dưới đây gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập do cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nêu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 04 năm 2018.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - j. "Cổ đông" là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một (01) cổ phần đã phát hành của Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH,
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

○ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM – HÀM THUẬN – ĐA MI.

○ Tên tiếng Anh: DA NHIM - HAM THUAN - DA MI HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY.

○ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM – HÀM THUẬN – ĐA MI.

○ Tên viết tắt: *EVNHPC DHD*.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

○ Địa chỉ: Số 80A đường Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

○ Điện thoại: (+84) 263 3728171

○ Fax: (+84) 263 3866457

○ E-mail: trusoichinh@dhd.com.vn

○ Website: www.dhd.com.vn

○ Nhãn hiệu:



EVNHPC DHD

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- a) Sản xuất điện (ngành chính);
- b) Kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- c) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- d) Kinh doanh vật tư, thiết bị;
- e) Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- f) Đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, phong điện, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 500kV;
- g) Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, dầu khí;
- h) Sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và phụ kiện, cấu kiện thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện;
- i) Kiểm tra và phân tích:
 - Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận, chỉnh định hiệu chỉnh: vật tư thiết bị điện, thiết bị môi trường, thiết bị và dụng cụ đo lường, thiết bị và dụng cụ an toàn; thử nghiệm, kiểm định, tính toán trị số bảo vệ và cài đặt rơ-le;
 - Thử nghiệm, kiểm định thiết bị và hệ thống tín hiệu (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- j) Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- k) Khai thác và nuôi trồng thủy sản nội địa;
- l) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- m) Khai thác lâm sản khác từ gỗ;
- n) Khai thác thủy sản biển;
- o) Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- p) Nuôi trồng thủy sản biển;
- q) Khai thác gỗ;
- r) Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- s) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

t) Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

u) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

v) Khai thác, xử lý và cung cấp nước;

w) Chế biến, bảo quản, kinh doanh thủy sản.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

a) Bảo toàn và phát triển vốn; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tối đa hóa lợi nhuận, phát triển Công ty theo hướng bền vững; tiến tới phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn và phạm vi hoạt động;

b) Đảm bảo việc làm ổn định và tích cực chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong Công ty;

c) Hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm môi trường và cộng đồng.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (bằng chữ: *Bốn ngàn hai trăm hai mươi bốn tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 422.400.000 cổ phần (bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi hai triệu bốn trăm ngàn cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (bằng chữ : *Mười ngàn đồng/cổ phần*).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không vượt quá lãi suất trần huy động do Ngân hàng Nhà nước quy định) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

p. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần

ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [năm mươi một (51)%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của

Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

21 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Đối với công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức, mức tạm ứng cổ tức hàng năm;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm (05) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và

lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý Công ty gồm một (01) Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII

CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Oánh